

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số 45/2020/ HS-ST
Ngày 15/09/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến

Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Đình Chung, ông Pờ Pó Chừ.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết- Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Chín - Kiểm sát viên .

Trong ngày 15 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/TLST-HS, ngày 25/08/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/ QĐXXST-HS ngày 03/09/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lù Văn N** - tên gọi khác Lò Văn N - giới tính: Nam

Sinh năm 1986, tại Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Bản P, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông Lù Văn Đ, đã chết; và con bà Lò Thị G, đã chết; Anh chị em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

Bị cáo có vợ là Lò Thị N, sinh năm 1988, trú tại: bản P, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 28/9/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Định xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Hiện nay bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2020 đến ngày 19/5/2020, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/5/2020 đến nay, tại xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

*Người làm chứng: Phán Na L, sinh năm 1995, trú tại bản Thăm P, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 09/5/2020 Lù Văn Ngọc, tên gọi khác là Lò Văn N, sinh năm 1986, trú tại bản P, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu điều khiển xe mô tô của Phán Na L, sinh năm 1995, trú tại bản Thăm P, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu và chở L cùng đi xuống bản N, xã M, huyện M để sửa chữa chiếc xe mô tô này. Khi đến bản N, do lên cơn nghiện ma túy nên N không vào quán sửa xe mà đi tiếp đến bản N, xã N, huyện M để tìm mua thuốc phiện. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày N và L đến bản N, cùng đi vào nhà của một người đàn ông lạ mặt khoảng 30 tuổi. Tại đây L vào trong buồng nằm ngủ, còn N đi ra bên ngoài cửa hỏi mua thuốc phiện với người đàn ông này để sử dụng hút. Qua trao đổi N mua được 01 gói thuốc phiện được gói bằng một mảnh ni lon màu xanh, bên trong có 03 gói đều gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá là 1.000.000 đồng, rồi N gạt lấy một ít thuốc phiện trong số thuốc phiện mua được ra để sử dụng hút, số còn lại N đem cất giấu vào trong khe hở bên dưới lớp đệm của yên xe mô tô và không cho ai biết. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, thì N nằm hút thuốc phiện tại nhà người đàn ông lạ mặt đó, sau đó N ngủ qua đêm tại đây. Đến khoảng hơn 04 giờ ngày 10/5/2020 N điều khiển xe mô tô của L và chở L quay về bản N để sửa xe, vào hồi 05 giờ 00 phút ngày 10/5/2020 khi N và L đến khu vực bản Nậm H, xã M thì gặp tổ công tác Đoàn Biên phòng P yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Trong quá trình kiểm tra đã phát hiện, bắt quả tang trong khe hở bên dưới lớp đệm của yên xe có 01 gói ni lon màu xanh, bên trong có 03 gói đều gói bằng mảnh nilon màu xanh, trong mỗi gói đều chứa chất dẻo màu nâu đen có mùi hắc. Quá trình điều tra Lù Văn N đã thừa nhận hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ 01 gói (bên trong có 03 gói đều gói bằng mảnh ni lon màu xanh).

Tại kết luận giám định số 12/KLGD ngày 11/5/2020 của Công an huyện M, tỉnh Lai Châu xác định: Tổng khối lượng 03 gói vật chứng của Lù Văn N có khối lượng là 29,87 gam.

Tại kết luận giám định số 2805/ C09-TT2 ngày 21/5/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chất dẻo màu nâu đen trong các gói 01,02 và 03 của Lù Văn N gửi giám định đều là thuốc phiện.

Cáo trạng số 49/CT-VKS-MT ngày 27/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo Lù Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lù Văn N và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Lù Văn N phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52

BLHS, xử phạt bị cáo Lù Văn N từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm 02 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Vật chứng vụ án đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 26,17 gam thuốc phiện còn lại sau giám định thu giữ của Lù Văn N; 04 mảnh nilon còn lại sau khi xác định khối lượng vật chứng thu giữ của Lù Văn N. Về án phí HSST áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lù Văn N sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo.

Đối với người đàn ông dân tộc lạt đã bán thuốc phiện cho bị cáo. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch nên không có cơ sở xem xét xử lý.

Đối với Phàn Na L là người đã cho Lù Văn N mượn chiếc xe mô tô và đi cùng bị cáo đến bản Nậm P, xã Nậm K. Quá trình điều tra xác định, L không biết việc N tàng trữ và sử dụng thuốc phiện nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phàn La N.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí lời luận tội. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với mức án thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra. Dù cơ sở khẳng định bị cáo Lù Văn N, sinh năm 1986 với mục đích mượn xe mô tô của Phàn Na L để đi mua chất ma túy thuốc phiện mang về để sử dụng hút dầm, do bị cáo là người nghiện hút. Đến 05 giờ 00 phút ngày 10/5/2020, khi N mua thuốc phiện về đến khu vực bản Nậm H, xã M, huyện M, thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng P phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng gồm 01 gói nilon màu xanh bên trong có 03 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh có khối lượng là 29,87 gam thuốc phiện.

Như vậy hành vi của bị cáo Lù Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại điều luật qui định:

1. Người nào Tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

b. Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam.

Bị cáo Lù Văn N có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lù Văn N theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng hành vi bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã mua thuốc phiện để hút, khi bị bắt bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng 29,87 gam nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để dẫn dắt giáo dục đối với bị cáo.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Ngày 28/9/2018 bị cáo Lù Văn N bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, đến nay bị cáo chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành án xong trở về địa phương, bị cáo vẫn không tự cải tạo mình, sửa chữa sai lầm, về nhà làm ăn lương thiện mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật do đó HĐXX cần áp dụng theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 249 BLHS bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, không có tài sản, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 26,17 gam thuốc phiện còn lại sau giám định, 04 mảnh nilon còn lại sau khi xác định khối lượng vật chứng, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Chấp nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan Công an huyện Mường Tè trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX: 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA WAVE RSX, biển kiểm

soát 25M1- 033.47 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Phan Na L, sinh năm 1995, trú tại bản Thăm P, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 260; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Lù Văn N**, tức **Lò Văn N** phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lù Văn N 01**(Một) năm **08** (Tám) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày (từ ngày 10/5/2020 đến ngày 19/5/2020). Thời hạn tù còn lại tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 26,17 gam thuốc phiện còn lại sau giám định, 04 mảnh nilon còn lại sau khi xác định khối lượng vật chứng, hiện vật chứng vụ án đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Lai Châu.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Lù Văn N**.

4. Án xử công khai có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND tỉnh Lai Châu
- CA huyện M - THAHS
- VKSND huyện M
- THADS huyện M
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký
Lò Thị Chiến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số 45/2020/ HS-ST
Ngày 15/09/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG TÈ- TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến

Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Đình Chung, ông Pờ Pố Chừ.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Muờng Tè, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Tè tham gia phiên tòa: Ông
Bùi Ngọc Chín - Kiểm sát viên .

Trong ngày 15 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng Tè xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/TLST-HS, ngày 25/08/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/ QĐXXST-HS ngày 03/09/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lù Văn Ngọc** - tên gọi khác Lò Văn Ngọc - giới tính: Nam

Sinh năm 1986, tại Thị trấn Muờng Tè, huyện Muờng Tè, tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Bản Pắc Pạ, xã Vàng San, huyện Muờng Tè, tỉnh Lai Châu;
Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: 7/12.

Con ông Lù Văn Đại, đã chết; và con bà Lò Thị Gắn, đã chết; Anh chị em
ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

Bị cáo có vợ là Lù Thị Nhân, sinh năm 1988, trú tại: bản Pắc Pạ, xã Vàng San,
huyện Muờng Tè, tỉnh Lai Châu. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008,
con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 28/9/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành
phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo
khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Hiện nay bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2020 đến ngày 19/5/2020, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/5/2020 đến nay, tại xã Vàng San, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

*Người làm chứng: Phán Na La, sinh năm 1995, trú tại bản Thăm Pa, xã Pa Ủ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 09/5/2020 Lù Văn Ngọc, tên gọi khác là Lò Văn Ngọc, sinh năm 1986, trú tại bản Pắc Pạ, xã Vàng San, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu điều khiển xe mô tô của Phán Na La, sinh năm 1995, trú tại bản Thăm Pa, xã Pa Ủ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và chở La cùng đi xuống bản Nậm Cùm, xã Mường Tè, huyện Mường Tè để sửa chữa chiếc xe mô tô này. Khi đến bản Nậm Cùm, do lên cơn nghiện ma túy nên Ngọc không vào quán sửa xe mà đi tiếp đến bản Nậm Phìn, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè để tìm mua thuốc phiện. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày Ngọc và La đến bản Nậm Phìn, cùng đi vào nhà của một người đàn ông lạ mặt khoảng 30 tuổi. Tại đây La vào trong buồng nằm ngủ, còn Ngọc đi ra bên ngoài cửa hỏi mua thuốc phiện với người đàn ông này để sử dụng hút. Qua trao đổi Ngọc mua được 01 gói thuốc phiện được gói bằng một mảnh ni lon màu xanh, bên trong có 03 gói đều gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá là 1.000.000 đồng, rồi Ngọc gạt lấy một ít thuốc phiện trong số thuốc phiện mua được ra để sử dụng hút, số còn lại Ngọc đem cất giấu vào trong khe hở bên dưới lớp đệm của yên xe mô tô và không cho ai biết. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, thì Ngọc nằm hút thuốc phiện tại nhà người đàn ông lạ mặt đó, sau đó Ngọc ngủ qua đêm tại đây. Đến khoảng hơn 04 giờ ngày 10/5/2020 Ngọc điều khiển xe mô tô của La và chở La quay về bản Nậm Cùm để sửa xe, vào hồi 05 giờ 00 phút ngày 10/5/2020 khi Ngọc và La đến khu vực bản Nậm Hản, xã Mường Tè thì gặp tổ công tác Đoàn Biên phong Pa Ủ yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Trong quá trình kiểm tra đã phát hiện, bắt quả tang trong khe hở bên dưới lớp đệm của yên xe có 01 gói ni lon màu xanh, bên trong có 03 gói đều gói bằng mảnh nilon màu xanh, trong mỗi gói đều chứa chất dẻo màu nâu đen có mùi hắc. Quá trình điều tra Lù Văn Ngọc đã thừa nhận hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ 01 gói (bên trong có 03 gói đều gói bằng mảnh ni lon màu xanh).

Tại kết luận giám định số 12/KLGĐ ngày 11/5/2020 của Công an huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xác định: Tổng khối lượng 03 gói vật chứng của Lù Văn Ngọc có khối lượng là 29,87 gam.

Tại kết luận giám định số 2805/ C09-TT2 ngày 21/5/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chất dẻo màu nâu đen trong các gói 01,02 và 03 của Lù Văn Ngọc gửi giám định đều là thuốc phiện.

Cáo trạng số 49/CT-VKS-MT ngày 27/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè đã truy tố bị cáo Lù Văn Ngọc về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lù Văn Ngọc và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Lù Văn Ngọc phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo Lù Văn Ngọc từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm 02 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Vật chứng vụ án đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 26,17 gam thuốc phiện còn lại sau giám định thu giữ của Lù Văn Ngọc; 04 mảnh nilon còn lại sau khi xác định khối lượng vật chứng thu giữ của Lù Văn Ngọc. Về án phí HSST áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lù Văn Ngọc sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo.

Đối với người đàn ông dân tộc lạt đã bán thuốc phiện cho bị cáo. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch nên không có cơ sở xem xét xử lý.

Đối với Phán Na La là người đã cho Lù Văn Ngọc mượn chiếc xe mô tô và đi cùng bị cáo đến bản Nậm Phìn, xã Nậm Khao. Quá trình điều tra xác định, La không biết việc Ngọc tàng trữ và sử dụng thuốc phiện nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phán La Na.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí lời luận tội. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với mức án thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo Lù Văn Ngọc, sinh năm 1986 với mục đích mượn xe mô tô của Phán Na La để

đi mua chất ma túy thuốc phiện mang về để sử dụng hút dần, do bị cáo là người nghiện hút. Đến 05 giờ 00 phút ngày 10/5/2020, khi Ngọc mua thuốc phiện về đến khu vực bản Nậm Hân, xã Mường Tè, huyện Mường Tè, thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng Pa Ủ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng gồm 01 gói nilon màu xanh bên trong có 03 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh có khối lượng là 29,87 gam thuốc phiện.

Như vậy hành vi của bị cáo Lù Văn Ngọc đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại điều luật qui định:

1. Người nào Tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

b. Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam.

Bị cáo Lù Văn Ngọc có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè truy tố bị cáo Lù Văn Ngọc theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng hành vi bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã mua thuốc phiện để hút, khi bị bắt bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng 29,87 gam nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để dẫn dắt giáo dục đối với bị cáo.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Ngày 28/9/2018 bị cáo Lù Văn Ngọc bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, đến nay bị cáo chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành án xong trở về địa phương, bị cáo vẫn không tự cải tạo mình, sửa chữa sai lầm, về nhà làm ăn lương thiện mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật do đó HĐXX cần áp dụng theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 249 BLHS bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, không có tài sản, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 26,17 gam thuốc phiện còn lại sau giám định, 04 mảnh nilon còn lại sau khi xác định khối lượng vật chứng, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Chấp nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan Công an huyện Mường Tè trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX: 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA WAVE RSX, biển kiểm soát 25M1- 033.47 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Phán Na La, sinh năm 1995, trú tại bản Thăm Pa, xã Pa Ủ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 260; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Lù Văn Ngọc**, tức **Lò Văn Ngọc** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lù Văn Ngọc 01**(Một) năm **08** (Tám) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày (từ ngày 10/5/2020 đến ngày 19/5/2020). Thời hạn tù còn lại tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 26,17 gam thuốc phiện còn lại sau giám định, 04 mảnh nilon còn lại sau khi xác định khối lượng vật chứng, hiện vật chứng vụ án đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Lù Văn Ngọc**.

4. Án xử công khai có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Lai Châu*
- *VKSND tỉnh Lai Châu*
- *CA huyện Mường Tè - THAHS*
- *VKSND huyện Mường Tè*
- *THADS huyện Mường Tè*
- *Bị cáo*
- *Lưu hồ sơ*

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**